

Số: 411 /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 281/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng; số 1686/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng; số 2066/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng; số 1231/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư, lĩnh vực thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- VP Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Website VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, KSTTH.

**CHỦ TỊCH**



**Đoàn Văn Việt**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT BAN QUẢN LÝ**  
**CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1411 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng)



**I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ (26 thủ tục)**

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cách thực thực hiện   |
|-----|---|---|--|----------------------|---|---|
| 01  | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý   | Trong thời hạn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không                | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Luật Đầu tư;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 |
| 02  | Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý  | Trong thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không                | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.  | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 |
| 03  | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | Trong thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không                | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.  | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 |

|    |   |  |  |       |  |   |
|----|---|--|--|-------|--|---|
| 04 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư   | Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ             | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 |
| 05 | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư  | Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |
| 06 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ           | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |
| 07 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC   | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ             | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |
| 08 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.   | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ                    | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |

|    |   |   |  |       |  |  |
|----|---|---|--|-------|--|--|
| 09 | Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư                     | Ngay khi tiếp nhận hồ sơ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 10 | Tạm ngưng hoạt động của dự án đầu tư                    | Ngay khi tiếp nhận thông báo  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 11 | Giãn tiến độ đầu tư                                     | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất của nhà đầu tư.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3  |
| 12 | Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư                  | Ngay khi nhà đầu tư nộp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3  |
| 13 | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3  |
| 14 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư                  | Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3  |

|    |   |   |  |       |  |  |
|----|---|---|--|-------|--|--|
| 15 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài   | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3  |
| 16 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3  |
| 17 | Chuyển nhượng dự án đầu tư  | <p>* Đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành, Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: Trong thời hạn 48 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |

|    |  |  |  |       |  |  |
|----|--|--|--|-------|--|--|
|    |  | hợp lệ.<br>* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh: Trong thời hạn 33 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |  |       |  |  |
| 18 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ           | Trong thời hạn 34 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 19 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh      | Trong thời hạn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 20 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |

|    |  |   |  |       |  |  |
|----|--|---|--|-------|--|--|
| 21 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư    | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3  |
| 22 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư       | <p>* Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: Trong thời hạn 52 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3  |
| 23 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |

|    |  |  |   |              |   |   |
|----|--|--|---|--------------|---|---|
|    | <p>Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)</p> | <p>* Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ<br/>* Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: Trong thời hạn 34 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt</p> | <p>Không</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br/>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br/>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</p> | <p>Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2.</p> |
| 25 | <p>Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)</p>   | <p>Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội</p>  | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt</p> | <p>Không</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br/>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br/>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</p> | <p>Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2.</p> |
| 26 | <p>Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)</p>                                  | <p>Trong thời hạn 52 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>   | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt</p> | <p>Không</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;<br/>- Nghị định 118/2015/NĐ-CP;<br/>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT.</p> | <p>Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2.</p> |



**II. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (05 thủ tục)**

|    |   |   |  |                          |   |  |
|----|---|---|--|--------------------------|---|--|
|    |   |   |  |                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thương mại ngày 14/6/2005;</li> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.</li> </ul> |  |
| 01 | Cấp Giấy phép Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài                               | Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | 3.000.000 đồng/giấy phép | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thương mại ngày 14/6/2005;</li> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC.</li> </ul>   | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 02 | Cấp lại Giấy phép Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam              | Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | 1.500.000 đồng/giấy phép | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thương mại ngày 14/6/2005;</li> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC.</li> </ul>   | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 03 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | 1.500.000 đồng/giấy phép | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thương mại ngày 14/6/2005;</li> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC.</li> </ul>   | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |

|            |  |   |  |                          |  |  |
|------------|--|---|--|--------------------------|--|--|
| 04         | Gia hạn Cấp giấy phép Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | 1.500.000 đồng/giấy phép | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thương mại ngày 14/6/2005;</li> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC.</li> </ul>  | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 05         | Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam    | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thương mại ngày 14/6/2005;</li> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT.</li> </ul>  | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| <b>III</b> | <b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG (04 thủ tục)</b>  |   |  |                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Luật Lao động ngày 18/6/2012;</li> <li>- Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/2/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;</li> <li>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</li> <li>- Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 32/2014/TT-BLĐTBXH ngày 01/12/2014 của Bộ Lao động -</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 01         | Cấp Giấy phép Lao động cho người nước ngoài                                      | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | 1.000.000 đồng/giấy phép |  | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |

|    |  |   |  |                        |   |  |
|----|--|---|--|------------------------|---|--|
|    |  |   |  |                        | <p>Thương binh và Xã hội Hướng dẫn ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.</p> |  |
| 02 | Cấp lại Giấy phép Lao động cho người nước ngoài                            | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | 800.000 đồng/giấy phép | <p>- Bộ Luật Lao động ngày 18/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 11/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH;</p> <p>- Thông tư số 32/2014/TT-BLĐTBXH;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND.</p>  | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 03 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không                  | <p>- Bộ Luật Lao động ngày 18/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 11/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH;</p> <p>- Thông tư số 32/2014/TT-BLĐTBXH.</p>  | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 04 | Thủ tục đăng ký nội quy lao động   | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không                  | <p>- Bộ Luật Lao động ngày 18/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 11/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH;</p> <p>- Thông tư số 32/2014/TT-BLĐTBXH.</p>  | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. |

|    |   |   |  |  |  |  |
|----|---|---|--|--|--|--|
| IV | LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (01 thủ tục)  |   |  |  |  |  |
| 01 | Thủ tục xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường   | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/01/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.</li> </ul>  | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3  |
| V  | LĨNH VỰC XÂY DỰNG (10 thủ tục)  |   |  |  |  |  |
| 01 | Thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế cơ sở điều chỉnh | Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | <p>Theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.</li> <li>- Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |

|    |   |   |  |   |   |  |
|----|---|---|--|---|---|--|
|    |   |   |  |   | ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Ban hành về quy định phân công, phân cấp, ủy quyền trách nhiệm quản lý nhà nước về thẩm định dự án, thẩm định thiết kế - dự toán xây dựng công trình và chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.  |  |
| 02 | Thủ tục thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước | Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD;</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD;</li> <li>- Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND.</li> </ul>          | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 03 | Thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh  | Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD;</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD;</li> <li>- Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND.</li> </ul>      | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 04 | Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng   | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;</li> <li>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;</li> <li>- Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |

|    |  |   |  |                                     |  |  |
|----|--|---|--|-------------------------------------|--|--|
| 05 | Cấp Giấy phép xây dựng cho dự án                                     | Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | 200.000 đồng/giấy phép              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật xây dựng ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD;</li> <li>- Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 06 | Cấp Giấy phép xây dựng công trình trong trường hợp sửa chữa, cải tạo | Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | 200.000 đồng/giấy phép              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật xây dựng ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD;</li> <li>- Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 07 | Điều chỉnh Giấy phép xây dựng công trình.                            | Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật xây dựng ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD.</li> </ul>   | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 08 | Gia hạn Giấy phép xây dựng công trình                                | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | 50.000 đồng/1 lần gia hạn giấy phép | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật xây dựng ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD;</li> <li>- Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND;</li> </ul> | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 09 | Cấp lại Giấy phép xây dựng công trình                                | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật xây dựng ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD.</li> </ul>   | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |
| 10 | Cấp Giấy phép xây dựng trường hợp đi đời công trình                  | Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt | Không                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật xây dựng ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD.</li> </ul>   | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. |

Tổng số 46 thủ tục